TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 308/2018/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày* 24 *tháng* 7 *năm* 2018.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 311/2018/TLST/HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018, giữa:

Người yêu cầu:

Anh Đỗ Hồng T, sinh năm 1976

Chị Trần Kim T, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ cư trú: Tập thể xí nghiệp 104, tổ 39B, phường T, quận T, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điểm 1, tiểu mục I, mục B danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016);

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Đỗ Hồng T, sinh năm 1976

Chị Trần Kim T, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ cư trú: Tập thể xí nghiệp 104, tổ 39B, phường T, quận T, thành phố Hà Nội.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về tình cảm: Anh Đỗ Hồng T và chị Trần Kim T thuận tình ly hôn.

Về con chung: chị Trần Kim T và anh Đỗ Hồng T có 01 con chung là: Đỗ Trần Hải Anh, sinh ngày 28.01.2015.

Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Trần Kim T và anh Đỗ Hồng T giao con chung Đỗ Trần Hải Anh, sinh ngày 28.01.2015 cho chị Trần Kim T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đỗ Hồng T cấp dưỡng nuôi con cho chị Trần Kim T 2.500.000 đồng/tháng (hai triệu năm trăm nghìn đồng một tháng) kể từ tháng 8.2018 đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Đỗ Hồng T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào được cản trở.

Về tài sản chung, vay nợ chung và riêng: Chị Trần Kim T và anh Đỗ Hồng T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Trần Kim T và anh Đỗ Hồng T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0004944 và biên lai số 0004943 ngày 18.6.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

PHƯƠNG THẢO

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).